TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hạnh;

2. Ông Võ Minh Phụng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Như Y, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Phạm Thanh B, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Như Y trình bày:

Ông Phạm Thanh B và bà Huỳnh Như Y tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và tiến tới hôn nhân và có đăng k Y kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 10/4/2017.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng vài năm gần đây, khi chuyển đến xã T, huyện B làm công nhân thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua tiếng lại, ông B ham mê cờ bạc, không chăm chỉ làm ăn, ông B không tôn trọng bà Y nên tình cảm không còn, bà Y làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông B.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, ông B và bà Y có 01 con chung tên Phạm Huỳnh N, sinh ngày 11/8/2018.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà Y và ông B ly hôn, bà Y yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên 01 con chung tên Phạm Huỳnh N, sinh ngày 11/8/2018. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông Phạm Thanh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng ông B không đến nên Tòa án lập biên bản hòa giải không được. Tòa án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông B nhưng ông không đến nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Công an xã T, huyện B cho biết: Ông Phạm Thanh B có đăng ký thường trú tại ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, hiện nay, ông B còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng thường xuyên vắng mặt ở nhà nên không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiếp tục thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và thông báo cho ông B biết việc bà Huỳnh Như Y nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông B không có ý kiến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã T và nơi cư trú của bị đơn nhưng đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Phạm Thanh B không có văn bản chấp nhận hay phản đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và không thông báo lý do vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Y kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng theo quy định. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự. Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng bà Y và ông B có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn bà Y kiên quyết ly hôn, con chung Phạm Huỳnh N, sinh ngày 11/8/2018 hiện

đang sống cùng bà Y nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn. Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào Y kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Phạm Thanh B có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện còn cư trú tại ấp V, xã T, huyện B nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Nguyên đơn bà Huỳnh Như Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Như Y với ông Phạm Thanh B sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của bà Huỳnh Như Y, vợ chồng bà Y và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do ông B không lo làm ăn, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vả, ông B không lo cho kinh tế của gia đình, ham mê cờ bạc, một mình bà Y đi làm để nuôi con, ông B thường xuyên có lời lẽ xúc phạm bà Y, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng nên bà Y đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sống. Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B để được yên tâm làm ăn, ổn định sinh sống, nuôi con.

[5] Bị đơn ông Phạm Thanh B không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản với yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ cho rằng bị đơn không có thiện chí mong muốn hòa giải để trở về đoàn tụ gia đình. Qua xác minh tại địa phương, ông B đang có mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án thông báo về việc bà Y nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng ông B vẫn không đến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

[6] Qua thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Như Y về việc ly hôn với ông Phạm Thanh B phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung: Xét thấy, con chung Phạm Huỳnh N, sinh ngày 11/8/2018 hiện đang sống cùng bà Y. Căn cứ yêu cầu của bà Y và theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao con chung Phạm Huỳnh N cho bà Huỳnh Như Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về người cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Như Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 71; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản l Y và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Như Y đối với ông Phạm Thanh B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Như Y được ly hôn với ông Phạm Thanh B.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Như Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với con chung là Phạm Huỳnh N, sinh ngày 11/8/2018. Ông Phạm Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Huỳnh Như Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Như Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009973 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng